

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HC-PT

Ngày 27-11-2020

V/v khiếu kiện Hành vi hành  
chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiến Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Nguyễn Quốc Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:** Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc khiếu kiện Hành vi hành chính.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm H (nay là thôn B), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam - ông Nguyễn Thanh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2020); (có mặt).

3. *Người làm chứng:* Ông Trần Đức B, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam - Nguyên là công chức Địa chính xã C, hiện đang là công chức Địa chính xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thu T là người khởi kiện.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ngày 18/9/2017, bà Nguyễn Thu T có đơn đề nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C với nội dung: Bà không xác định được, bà có được UBND xã C giao, chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh hay không. Sau khi nhận đơn của bà T, UBND xã C tiến hành kiểm tra, xác minh và ngày 04/12/2017 đã ban hành Thông báo số 34/TB-UBND về việc trả lời đơn đề nghị của bà T với nội dung: Đất % và đất 115 của hộ cụ Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ bà Nguyễn Thu T) có 05 khẩu gồm: Cụ Nguyễn Văn H (là bố đẻ bà Nguyễn Thu T - đã chết), cụ Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thu T gồm:

+ Đất % là 05 khẩu x  $47\text{m}^2/\text{khẩu} = 235\text{m}^2$ ;

+ Đất 115 là 05 khẩu x  $350\text{m}^2/\text{khẩu} = 1.750\text{m}^2$ .

Tổng tiêu chuẩn đất nông nghiệp hộ cụ D được hưởng là  $1.985\text{m}^2$ , đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/3/1997 và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00792 ngày 10/8/2004.

Thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới xã C giai đoạn 2011- 2015, hộ gia đình cụ D phải trừ diện tích góp đất làm giao thông thủy lợi là  $30\text{m}^2$ ; diện tích đất nông nghiệp quy đổi  $500\text{m}^2$  đất ao (quy 3 =  $166\text{m}^2$ ) đã chỉnh lý trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2010. Như vậy tổng diện tích tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung của hộ cụ D được hưởng đến thời điểm dồn đổi ruộng đất năm 2012 là  $1.789\text{m}^2$  đúng như Phương án dồn đổi ruộng đất năm 2012 của Xóm H (nay là thôn B), xã C. Tuy nhiên, bà T cho rằng UBND xã C không chứng minh được là giao đất cho bà ở vị trí nào và bà cũng chưa nhận được đất Nhà nước giao.

Ngày 04/9/2018, bà T có đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND xã C về việc không được UBND xã giao, chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh.

Ngày 14/9/2018, Chủ tịch UBND xã C ra Thông báo số 12/TB-UBND trả lời bà T với nội dung: “Đất tiêu chuẩn của bà T đến nay vẫn nằm chung thửa và chung hộ với Cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị D. Nếu bà T muốn giao đất ở vị trí nào đề nghị bà họp bàn hoặc thống nhất trong gia đình bằng văn bản, báo cáo xóm và UBND xã để UBND xã phối hợp giao vị trí đất để đảm bảo quyền lợi của bà”. Bà T không nhất trí với Thông báo số 12 nêu trên và đã khiếu nại đến UBND huyện L; UBND huyện L đã ban hành văn bản số 1048/UBND-BTD ngày 08/10/2018 trả lại đơn của bà T và hướng dẫn bà T gửi đơn khiếu nại tới UBND xã C để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Bà T không đồng ý

và đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy văn bản nêu trên. Kết quả, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử sơ thẩm và Tòa án cấp cao tại Hà Nội xử phúc thẩm, đều đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngày 23/9/2019, bà T lại tiếp tục làm đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND xã C yêu cầu UBND xã C phải giao, chia đất nông nghiệp cho bà theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2019, bà T làm đơn khiếu nại và đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND xã C với nội dung: “*Đề nghị UBND xã C giao đất nông nghiệp theo Quyết định 115 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh cho bà theo quy định pháp luật và giải quyết trả lời đơn đề nghị ngày 23/9/2019 của bà bằng văn bản theo quy định*”. Chủ tịch UBND xã C đã nhận đơn và ban hành Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 gửi cho bà T với nội dung:

*“1. Biên bản họp gia đình của bà Nguyễn Thu T ngày 20/10/2019, UBND xã xét thấy không đảm bảo vì:*

*- Biên bản họp gia đình không có đầy đủ các thành phần tham gia dự họp, không có thành phần chứng kiến của Trưởng thôn.*

*- Không nêu rõ yêu cầu được nhận đất 115 ở vị trí chỗ nào trong vườn cụ Nguyễn Thị D.*

*- Biên bản họp gia đình chỉ có người viết biên bản ký (bà T), các thành phần tham dự họp gia đình không ai ký biên bản.*

*2. Đơn đề nghị, đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thu T, khiếu nại Chủ tịch UBND xã C không giải quyết đơn đề nghị ngày 23/9/2019 là không đúng vì:*

*- UBND xã C đã làm việc và giải quyết nhiều lần, cũng như hướng dẫn các trình tự thủ tục để bà Nguyễn Thu T, thực hiện quyền lợi về tiêu chuẩn đất theo Quyết định 115 của mình xong bà Nguyễn Thu T không thực hiện.*

*- Căn cứ với những nội dung đơn đề nghị, đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thu T, việc bà đề nghị, khiếu nại không có cơ sở, không có chứng cứ để UBND xã xem xét giải quyết.*

*- Ủy ban nhân dân xã C sẽ không thụ lý giải quyết đơn đề nghị, và đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thu T”.*

\* Nay bà Nguyễn Thu T không nhất trí với nội dung thông báo nêu trên, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND xã C và buộc Chủ tịch UBND xã C nhận lại đơn khiếu nại và đơn đề nghị của bà gửi ngày 24/10/2019 để giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã C cho rằng: Đối với đơn đề nghị giao, chia đất nông nghiệp của bà Nguyễn Thu T đã được UBND xã C giải quyết nhiều lần và đã hướng dẫn, trả lời cụ thể. Do đó việc Chủ tịch UBND xã C

ban hành Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thu T là đúng theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08-9-2020, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 9, khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; điểm a, b Điều 28 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại; Điều 30, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND xã C và buộc Chủ tịch UBND xã C nhận lại đơn khiếu nại và đơn đề nghị của bà gửi ngày 24/10/2019 để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thu T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người bị kiện giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa có quan điểm:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người tham gia tố tụng là người bị kiện, người làm chứng đã chấp hành nghiêm túc quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện là bà Nguyễn Thu T đã tự ý bỏ về, không được sự nhất trí của Chủ tọa phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Về án phí hành chính phúc thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thu T trong thời hạn luật định và đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Người làm chứng là ông Trần Đức B - nguyên công chức, địa chính xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, ông B đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt ông B không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Đối với việc đề nghị triệu tập người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 53, 58 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải đưa Chủ tịch UBND huyện L và ông Trần Đức B - nguyên công chức, địa chính xã C, huyện L tham gia phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thu T tiếp tục đề nghị thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thẩm phán Đinh Tiến Hùng không thuộc trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 45, Điều 46 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, đề nghị thay đổi Thẩm phán của bà T không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Sau khi Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa, đã kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa và chuyển sang phần tranh tụng tại phiên tòa, bà Nguyễn Thu T đã tự ý bỏ về khi phiên tòa đang diễn ra là từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ theo Điều 225, Điều 159 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thu T:**

2.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T về việc khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã C là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân và còn thời hiệu theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính. Do vậy, Tòa án huyện Lý Nhân đã thụ lý để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thu T đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 và buộc Chủ tịch UBND xã C phải nhận lại đơn

khieu nại đề ngày 24/10/2019 của bà đề giải quyết theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 23/9/2019, bà T đã làm đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND xã C yêu cầu UBND xã C phải giao, chia đất nông nghiệp cho bà theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2019, bà T gửi đơn đề nghị và đơn khiếu nại đến UBND xã C với nội dung đề nghị UBND xã C giao, chia đất nông nghiệp cho bà theo quy định của pháp luật và giải quyết khiếu nại đối với việc UBND xã C không giải quyết đơn đề nghị ngày 23/9/2019 của bà.

Ngày 04/11/2019, Chủ tịch UBND xã C ban hành Thông báo số 20/TB-UBND để giải quyết các đơn đề nghị ngày 23/9/2019, 24/10/2019 và đơn khiếu nại ngày 24/10/2019.

Đối với nội dung đề nghị giao chia đất nông nghiệp của bà T: Nội dung đề nghị này của bà T đã được UBND xã C giải quyết nhiều lần, dưới nhiều hình thức, cụ thể: Từ năm 2017 bà T đã có đề nghị với nội dung như trên và được UBND xã C xác minh, giải quyết và trả lời cụ thể bằng các văn bản: Thông báo số 34/TB-UBND ngày 04/12/2017; Thông báo số 12/TB-UBND ngày 14/9/2018. Bà T không đồng ý với các văn bản trả lời của UBND xã C nhưng không khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã C mà làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện L. UBND huyện L đã trả lại đơn và hướng dẫn bà T khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã C theo văn bản số 1048 ngày 08/10/2018 nhưng bà T không khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã C mà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy văn bản số 1048/UBND - BTD ngày 08/10/2018 của UBND huyện L. Tại Bản án sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Bản án phúc thẩm số 284/2019/HC-PT ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T vì yêu cầu của bà T là không có căn cứ.

Ngày 23/9/2019, bà T có đơn đề nghị UBND xã C giao, chia đất nông nghiệp cho bà nhưng không có nội dung nào mới so với các nội dung yêu cầu trước đó của bà nên UBND xã C đã lưu đơn, không giải quyết.

Ngày 24/10/2019, bà T làm đơn đề nghị giải quyết về việc UBND xã C không giải quyết việc giao, chia đất nông nghiệp cho bà và khiếu nại về việc không giải quyết đơn đề nghị ngày 23/9/2019 của bà.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Bà Nguyễn Thu T đã được UBND xã C giao, chia đất nông nghiệp với diện tích là 391m<sup>2</sup> đất vườn, tại thửa đất số 42(2), tờ bản đồ số 14, vị trí đất ở

Xóm H (nay là thôn B), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Bà T được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung với hộ Cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị D (là bố mẹ đẻ bà T), được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00792 ngày 10/8/2004. Nay bà T yêu cầu UBND xã C phải giao, chia đất nông nghiệp cho bà là không có căn cứ để giải quyết.

Mặt khác, việc bà T gửi UBND xã C biên bản họp gia đình (đề ngày 20/10/2019) làm cơ sở để tách phần tiêu chuẩn đất nông nghiệp 391m<sup>2</sup> đất vườn bà T được chia chung thửa và chung hộ với Cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị D, chứng tỏ bà T cũng đã thừa nhận việc bà được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung thửa, chung hộ với cụ D. Tuy nhiên bà T chưa thực hiện đầy đủ nội dung hướng dẫn của UBND xã C nên biên bản họp gia đình của bà chưa đảm bảo về nội dung và hình thức, cụ thể: Biên bản họp gia đình không có đầy đủ các thành phần tham gia dự họp, không có thành phần chứng kiến của trưởng thôn; không nêu rõ bà yêu cầu được nhận đất ở vị trí chỗ nào trong vườn cụ Nguyễn Thị D; biên bản họp gia đình chỉ có người viết biên bản (bà T) ký, các thành phần tham dự họp gia đình không ai ký biên bản. Do vậy UBND xã C không có căn cứ để tách tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung của bà T trong vườn của cụ Nguyễn Thị D theo yêu cầu của bà T.

Do đó, việc giải quyết của UBND xã C đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T. Ngày 04/11/2019, Chủ tịch UBND xã C ban hành Thông báo số 20/TB-UBND với nội dung UBND xã C không thụ lý giải quyết đề nghị và đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thu T là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 2; Điều 11 Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu T.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thu T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thu T, giữ nguyên các quyết định tại bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 9, khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; điểm a, b Điều 28 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại; Điều 30, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 20/TB-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND xã C và buộc Chủ tịch UBND xã C nhận lại đơn khiếu nại và đơn đề nghị của bà gửi ngày 24/10/2019 để giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2015/0003604 ngày 18/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Bà Nguyễn Thu T đã thực hiện xong án phí sơ thẩm.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp theo Biên lai số AA/2015/0003753 ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, bà T đã thi hành xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSDN tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Đinh Tiến Hùng**